

IBBS VÒNG II

Giám sát Kết hợp
Hành vi và Các chỉ số
Sinh học HIV/STI

Tóm lược kết quả tại
YÊN BÁI

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam được thiết kế nhằm ước tính và theo dõi sự thay đổi về chiều hướng hiện nhiễm HIV, các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (STI), các hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận các chương trình can thiệp trong các nhóm quần thể nguy cơ cao nhiễm HIV. Đây là một trong những tài liệu nằm trong bộ báo cáo tóm tắt của IBBS. Giám sát được thực hiện qua hai vòng, vòng I vào năm 2006 và vòng II vào năm 2009.

Yên Bái là tỉnh mới tiến hành giám sát, do vậy chỉ có số liệu năm 2009 được báo cáo ở đây.



Năm 2009 hơn một phần ba số người tiêm chích ma túy nhiễm HIV

Giống với các tỉnh thành tham gia nghiên cứu khác, Yên Bái có tỷ lệ hiện nhiễm HIV cao nhất trong nhóm tiêm chích ma túy (TCMT) (36.5%). Tỷ lệ hiện nhiễm trong nhóm phụ nữ mại dâm đường phố (MDĐP) và mại dâm nhà hàng (MDNH) lần lượt là 10.6 và 4.9% (Biểu đồ 1).

Phụ nữ mại dâm ít tiếp cận với các chương trình can thiệp

Tỷ lệ sử dụng bao cao su (BCS) thường xuyên với khách quen trong nhóm MDĐP và MDNH lần lượt là 66.4% và 47.5%. 4.6% MDĐP và không có ai trong số MDNH báo cáo có tiêm chích ma túy (Biểu đồ 2). Tiêm chích ma túy làm thúc đẩy nguy cơ nhiễm HIV trong cả nhóm MDĐP và MDNH.

Tương tự các tỉnh thành mới tham gia nghiên cứu, tỷ lệ đã từng xét nghiệm HIV tại Yên Bái thấp hơn đáng kể so với các tỉnh thành khác. Chỉ 21.5% MDĐP và 17.4% MDNH cho biết họ đã từng xét nghiệm HIV và quay lại nhận kết quả (Biểu đồ 2).

Thêm vào đó, gần 40% PNMD tại Yên Bái không nhận được BCS miễn phí hoặc BCS giá rẻ. Có sự khác biệt tương đối lớn trong tỷ lệ báo cáo nhận được bao cao su miễn phí/giá rẻ giữa hai nhóm PNMD, 64.2% trong nhóm MDNH so với 44.4% trong nhóm MDĐP

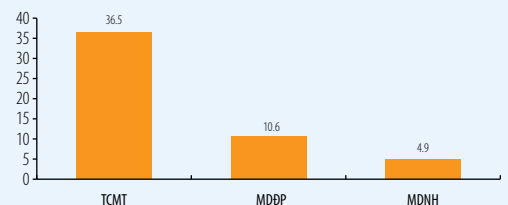
Người tiêm chích ma túy có nhiều nguy cơ nhiễm HIV

Một phần tư số người TCMT tại Yên Bái sử dụng chung bơm kim tiêm (BKT) trong giai đoạn 6 tháng trước nghiên cứu. Nhóm quần thể này cũng thường xuyên có quan hệ tình dục với PNMD, nhưng xấp xỉ 30% trong số họ không sử dụng BCS thường xuyên. Có tới 34.1% số người TCMT nhiễm HIV không sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên (Biểu đồ 3).

Trong tất cả các nhóm quần thể nguy cơ cao, nhóm TCMT có tỷ lệ xét nghiệm HIV là cao nhất, mặc dù vậy vẫn còn ở mức tương đối thấp 35.4%.

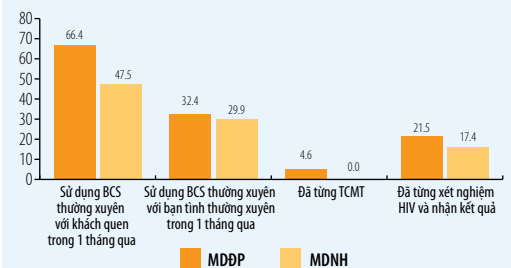
Biểu đồ 1:

Tỷ lệ nhiễm HIV trong các nhóm quần thể nghiên cứu tại Yên Bái, IBBS 2009



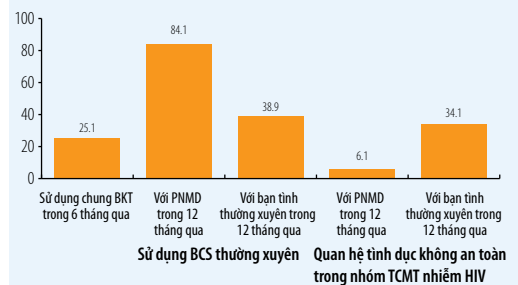
Biểu đồ 2:

Hành vi nguy cơ và tiếp cận với chương trình can thiệp trong nhóm PNMD tại Yên Bái, IBBS 2009



Biểu đồ 3:

Hành vi nguy cơ trong nhóm TCMT tại Yên Bái, IBBS 2009



IBBS là sáng kiến được thực hiện bởi các cơ quan dưới đây:

Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) | Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) | FHI 360 | Văn phòng Liên hợp quốc Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) | Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) | Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC).

Ấn phẩm IBBS được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, CDC hay Chính phủ Hoa Kỳ.



Tóm lược kết quả tại YÊN BÁI

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) được thực hiện tại Yên Bái vào năm 2009. Người tham gia nghiên cứu được lựa chọn thông qua phương pháp chọn mẫu cụm thời gian đối với nhóm phụ nữ mại dâm và tiêm chích ma túy.

Các chỉ số chính	2009 (%)	
Nhóm tiêm chích ma túy	(n= 359)	
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	36.5%	
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	0.8%	
Tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm trong 6 tháng qua	25.1%	
Tỷ lệ tiếp cận bơm kim tiêm sạch miễn phí trong 6 tháng qua	65.6% (n 358)	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với PNMD trong 12 tháng qua	84.1% (n= 101)	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 12 tháng qua	38.6% (249)	
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	39.7% (n= 285)	
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	10.6%	
Nhóm phụ nữ mại dâm	MDNH (n=123)	MDĐP (n=151)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	4.9%	10.6%
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	0.8%	0%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách lạ trong 1 tháng qua	70.7% (n= 99)	75.4% (n= 126)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách quen trong 1 tháng qua	47.5% (n= 101)	66.4% (n= 137)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 1 tháng qua	29.9% (n= 67)	32.4% (n= 74)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy	0.0%	4.6%
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	64.2% (n= 120)	44.4%
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	5.6%	8.6%

IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI